

Bản án số: 64/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 08/9/2020.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông LÊ VĂN ĐẸP

- Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông DANH ON

2/ Ông LẠI THIỆN PHONG

- Thư ký phiên tòa: Bà THÁI KIM PHƯƠNG - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà LÊ HUYỀN MAO - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Hoàng T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 và tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020 nguyên đơn anh Lê Hoàng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị L có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2006 nhưng không có

tiến hành đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 09 năm nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về quan hệ con chung: Anh T xác định trong quá trình chung sống giữa anh T và chị Lê Thị L có 02 người con chung là Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010. Hiện tại cháu Vy và cháu Phi đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Phi.

Về tài sản chung: Anh T xác định giữa anh T và chị Lê Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Lê Thị L: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với chị Lê Thị L nhưng chị L không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với chị L. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật do chị L không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, chị L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu chị L có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị L là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010 cho anh Lê Hoàng T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Phi nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản: Anh Lê Hoàng T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Hoàng T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị L và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lê Thị L có nơi đăng ký thường trú tại ấp X, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn anh Lê Hoàng T tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh T. Bị đơn chị Lê Thị L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị L.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng T yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T thừa nhận vào năm 2006 có tổ chức đám cưới với chị Lê Thị L trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay anh T xin ly hôn với chị L. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị L là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh T xác định giữa anh và chị Lê Thị L có 02 người con chung là cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010. Anh T yêu cầu được nuôi cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Phi. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Yến Vy và cháu Lê Hoàng Phi đang sống ổn định với anh T, bên cạnh đó cháu Vy và cháu Phi có nguyện vọng được theo sống chung với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010 cho anh Lê Hoàng T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Vy và cháu Phi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh Lê Hoàng T xác định giữa anh và chị Lê Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Lê Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Hoàng T và chị Lê Thị L là vợ chồng;

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Yến Vy, sinh ngày 15/11/2007 và cháu Lê Hoàng Phi, sinh ngày 15/11/2010 cho anh Lê Hoàng T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Yến Vy và cháu

Lê Hoàng Phi nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3/ Về tài sản chung: Anh Lê Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh Lê Hoàng T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003104 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đệp